

Số: 11 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 11 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Nội dung điều chỉnh quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn  
tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030  
thích ứng với biến đổi khí hậu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 7 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh 05 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về Điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết về Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng

với biến đổi khí hậu; Báo cáo thẩm tra số 164/BC-HĐND ngày 01/11/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Nội dung Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng với biến đổi khí hậu.**

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

#### 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Rà soát, xác định danh mục các công trình ưu tiên đầu tư các công trình mang tính cấp thiết, hiệu quả. Trình HĐND tỉnh bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 theo đúng quy định pháp luật;

- Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật; hàng năm báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện nghị quyết cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X, Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh



**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG  
THÔN TỈNH NINH THUẬN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030  
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 09/11/2018  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

## **I. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch**

Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2010 và định hướng đến năm 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 8820/QĐ-UBND ngày 31/12/2008. Tuy nhiên do quá trình thực hiện có nhiều thay đổi, nhất là các biến đổi về khí hậu và thời tiết trên địa bàn tỉnh đã và đang diễn ra rất gay gắt từ năm 2014 đến nay, tình hình hạn hán trên diện rộng đã ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế-xã hội của tỉnh, nhất là ảnh hưởng đến nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp thứ 7 Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu và trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 5096/BNN-TCTL ngày 20/6/2016, UBND tỉnh đồng ý triển khai dự án Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng với biến đổi khí hậu và giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ đầu tư.

Từ những cơ sở trên, việc Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

## **II. Mục tiêu, nhiệm vụ**

### **1. Mục tiêu chung**

Hiện thực hoá Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm nâng cao sức khỏe, chất lượng sống cho nhân dân nông thôn thông qua cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch. Quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận là cơ sở cho việc quản lý, chỉ đạo về cấp nước sạch nông thôn của tỉnh, cơ sở để lập kế hoạch đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống các công trình cung cấp nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn mang tính ổn định lâu dài và bền vững; làm cơ sở cho các địa phương xây dựng các dự án cấp nước sạch nông thôn. Khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và môi trường bền vững; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt, đảm bảo cho người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020 ít nhất 95% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh môi trường, trong đó 75% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia với số lượng tối thiểu 80 lít/người.ngày đêm và đảm bảo cấp nước cho các dịch vụ khác.

- Đến năm 2030, 100% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh môi trường, trong đó trên 90% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia với số lượng 120 lít/người.ngày đêm và đảm bảo cấp nước cho các dịch vụ khác.

## 3. Nhiệm vụ chủ yếu điều chỉnh quy hoạch

### 3.1. Phân vùng cấp nước:

Căn cứ các đặc điểm về sự phân bố nguồn nước, hiện trạng cấp nước, phân bố dân cư và điều kiện về địa hình, địa mạo của khu vực quy hoạch, hệ thống cấp nước nông thôn tỉnh Ninh Thuận được chia thành 6 vùng cấp nước với các hệ thống cấp nước riêng biệt như sau:

3.1.1. Vùng 1: Khu vực huyện Thuận Bắc, bao gồm các xã Lợi Hải, Công Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn, Phước Kháng, Phước Chiến.

3.1.2. Vùng 2: Khu vực huyện Ninh Hải, bao gồm các xã Tân Hải, Hộ Hải, Xuân Hải, Phương Hải, Tri Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải.

3.1.3. Vùng 3: Khu vực huyện Bác Ái, bao gồm các xã Phước Bình, Phước Đại, Phước Chính, Phước Hoà, Phước Tân, Phước Thắng, Phước Thành, Phước Tiến, Phước Trung.

3.1.4. Vùng 4: Khu vực huyện Ninh Sơn, bao gồm các xã Nhơn Sơn, Mỹ Sơn, Lâm Sơn, Lương Sơn, Hoà Sơn, Ma Nởi.

3.1.5. Vùng 5: Khu vực huyện Ninh Phước, bao gồm các xã Phước Hữu, Phước Thuận, Phước Hậu, Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Thái.

3.1.6. Vùng 6: Khu vực huyện Thuận Nam, bao gồm các xã Phước Hà, Nhị Hà.

### 3.2. Quy hoạch các hệ thống cấp nước:

#### 3.2.1. Quy hoạch cấp nước Vùng 1 - Huyện Thuận Bắc:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 1 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2030 là 10.300m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Thuận Bắc hiện có 7 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là 4.524m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2020 cần bổ sung thêm nguồn cấp nước với công suất 476m<sup>3</sup>/ngày và đến năm 2030 cần bổ sung thêm 5.100m<sup>3</sup>/ngày. Giải pháp cấp nước cho Vùng 1 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020

và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 2 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.2.2. Quy hoạch cấp nước Vùng 2 - Huyện Ninh Hải:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 2 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là  $7.600\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  và đến năm 2030 là  $15.700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Ninh Hải hiện có 6 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là  $7.858\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ , chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2020 không cần bổ sung thêm nguồn cấp nước và đến năm 2030 cần bổ sung thêm  $7.700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Giải pháp cấp nước cho Vùng 2 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 1 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.2.3. Quy hoạch cấp nước Vùng 3 - Huyện Bắc Ái:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 3 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là  $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  và đến năm 2030 là  $6.200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Bắc Ái hiện có 7 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là  $4.168,0\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2020 không cần bổ sung thêm nguồn cấp nước, đến năm 2030 cần bổ sung thêm  $2.030\text{ m}^3/\text{ngày}$ . Giải pháp cấp nước cho Vùng 3 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 4 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.2.4. Quy hoạch cấp nước Vùng 4 - Huyện Ninh Sơn:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 4 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là  $5.500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  và đến năm 2030 là  $11.400\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Ninh Sơn hiện có 7 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là  $4.361\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2020 cần bổ sung thêm nguồn cấp nước với công suất  $1.139\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm và đến năm 2030 cần bổ sung thêm  $5.600\text{m}^3/\text{ngày}$ . Giải pháp cấp nước cho Vùng 4 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 3 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.2.5. Quy hoạch cấp nước Vùng 5 - Huyện Ninh Phước:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 5 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là  $7.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm và đến năm 2030 là  $14.500\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm.

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Ninh Phước hiện có 8 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là  $7.116,5\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2020 không cần bổ sung thêm nguồn cấp nước và đến năm 2030 cần bổ sung thêm  $7.300\text{m}^3/\text{ngày}$ . Giải pháp cấp nước cho Vùng 5 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 6 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.2.6. Quy hoạch cấp nước Vùng 6 - Huyện Thuận Nam:

a) Nhu cầu dùng nước: Căn cứ phạm vi cấp nước, tiêu chuẩn cấp nước và tỷ lệ cấp nước, nhu cầu dùng nước của Vùng 6 (theo các mục đích sử dụng và theo địa giới hành chính) đến năm 2020 là  $1.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm và đến năm 2030 là  $2.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm.

#### b) Giải pháp cấp nước:

- Năng lực cấp nước của các hệ thống hiện có: Huyện Thuận Nam hiện có 3 hệ thống công trình cấp nước tập trung với tổng công suất thiết kế là  $1.089,0\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, chất lượng nước đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

- Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước: Để đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 không cần bổ sung và đến năm 2030 cần bổ sung thêm  $950\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Giải pháp cấp nước cho vùng 6 được lựa chọn: Nâng cấp các Hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 và mở rộng các hệ thống cấp nước công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối với Hệ thống cấp nước Vùng 5 để có sự hỗ trợ qua lại và tăng cường tính an toàn cấp nước.

### 3.3. Quy hoạch nguồn cấp nước thô:

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu diễn ra gay gắt, Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Bắc, Kênh Nam không đủ công suất thiết kế; vì vậy cần phải nâng cấp mở rộng 02 hệ thống cấp nước này để cấp nguồn bổ sung bền vững cho các Hệ thống cấp nước thuộc vùng 1, 2, 3, 5, 6.

3.3.1. Năng lực cấp nước thô của 2 hệ thống hiện có:

- Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Bắc cấp nguồn nước thô cho 8 hệ thống đến năm 2020 với tổng công suất 8.421,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Nam cấp nguồn nước thô cho 7 hệ thống đến năm 2020 với tổng công suất 7.378 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

3.3.2. Phương án nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước thô:

- Công suất của 8 hệ thống cấp nước được cấp nguồn từ hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Bắc đến năm 2030 là 24.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Công suất của 7 hệ thống được cấp nguồn từ hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc kênh Nam đến năm 2030 là 24.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Để đáp ứng được nhu cầu dùng nước đến năm 2030 cần bổ sung thêm nguồn cấp nước thô, đối với Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Bắc cần bổ sung thêm 16.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đối với Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Nam cần bổ sung thêm 16.700 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Giải pháp cấp nước thô được lựa chọn như sau: Nâng cấp, mở rộng 02 hệ thống cấp nước thô đáp ứng nhu cầu đến năm 2030 của vùng; đầu nối nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ.

3.4. Các giải pháp cấp nước nước ứng với kịch bản biến đổi khí hậu:

3.4.1. Đối với vùng 1, vùng 2 - Huyện Thuận Bắc, Ninh Hải:

- Trường hợp nguồn nước trên suối Kiên Kiên cạn kiệt, bổ sung nguồn nước thô từ Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Bắc và nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ;

- Trường hợp mực nước hồ Sông Trâu cạn kiệt sẽ được tiếp nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ. Khi Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ hoàn thiện sẽ đảm bảo cung cấp nước cho các Hệ thống cấp nước Ba Tháp, Hệ thống cấp nước Phương Cựu, Hệ thống cấp nước Lợi Hải;

- Trường hợp mực nước hồ Nước Ngọt cạn kiệt sẽ bơm tăng áp từ Hệ thống cấp nước Phương Cựu;

- Trường hợp mực nước trên đập Lò Cô cạn kiệt sẽ bơm tăng áp từ Hệ thống cấp nước Lợi Hải cung cấp nước cho Phước Kháng.

3.4.2. Đối với vùng 3 - Huyện Bác Ái:

- Trường hợp mực nước hồ Sông Sắt thiếu nước sẽ được bổ sung nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và Hệ thống cấp nước Ma Lâm;

- Trường hợp mực nước hồ Trà Co thiếu nước sẽ được bổ sung nguồn nước từ Hệ thống cấp nước Ma Lâm, hiện nay đã đầu nối tuyến đường ống;

- Trường hợp mực nước trên đập Ô Cấm cạn kiệt sẽ bổ sung nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ cấp nước cho Hệ thống cấp nước Phước Trung.

#### 3.4.3. Đối với vùng 4 - Huyện Ninh Sơn:

- Trong thời gian đóng nước Kênh Đông và Kênh Tây sẽ được bổ sung nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và Hệ thống cấp nước Ma Lâm;

- Trường hợp mực nước trên đập SaKai cạn kiệt sẽ bổ sung nguồn nước từ Hệ thống thủy điện Đa Nhim cấp nước cho Hệ thống cấp nước Lâm Sơn;

- Trường hợp suối Ma Nối và Sông Than cạn kiệt sẽ bổ sung nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ. Khi hồ chứa nước Sông Than hoàn thành sẽ cung cấp nước cho các hệ thống cấp nước Ma Nối, Hòa Sơn.

#### 3.4.4. Đối với Vùng 5, vùng 6 - Huyện Ninh Phước, Thuận Nam:

Trong trường hợp biến đổi khí hậu nguồn nước trên các hồ Tân Giang, Sông Biều cạn kiệt sẽ nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Nam, lấy nước từ đập Nha Trinh cấp nước cho các hệ thống trên.

### III. Về danh mục các dự án đầu tư và khả năng đáp ứng nguồn lực


Theo Báo cáo quy hoạch, tổng số công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đề xuất đầu tư là 54 công trình, với tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện Quy hoạch đến năm 2030 là 434,5 tỷ đồng, trong đó:

1. Giai đoạn đến 2020 là 22 công trình/95 tỷ đồng, chiếm 21,86% tổng vốn (vốn ODA 73,5 tỷ đồng, vốn sự nghiệp của Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn 19,5 tỷ đồng, vốn chống hạn kết dư 2 tỷ đồng). Trong đó có 4 công trình ưu tiên đầu tư sử dụng vốn ODA: (1) Mở rộng tuyến ống cấp nước thô Kiên Kiên - Lợi Hải/2 tỷ đồng; (2) Tu sửa, mở rộng hệ thống cấp nước Suối Le - Phước Kháng/8,5 tỷ đồng; (3) Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Bình/23 tỷ đồng; (4) Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Bắc/40 tỷ đồng.

2. Giai đoạn 2021-2030 là 32 công trình/339,5 tỷ đồng, chiếm 78,14% tổng vốn (Chủ yếu từ nguồn vốn cổ phần hóa Trung tâm nước sạch và Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn).

(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)

### IV. Các giải pháp thực hiện

Điều chỉnh Quy hoạch gồm 05 nhóm giải pháp cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện bao gồm: (1) Nhóm giải pháp quản lý quy hoạch; (2) Nhóm giải pháp chính sách trong thực hiện quy hoạch gồm 11 giải pháp chi tiết; (3) Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho những công trình cấp nước tập trung đã được xây dựng; (4) Nhóm giải pháp bảo vệ nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; (5) Tổ chức thực hiện. Trong đó, ưu tiên các nhóm giải pháp để thực hiện hiệu quả Dự án Điều chỉnh quy hoạch như: Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện; nhóm giải pháp bảo vệ nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; nhóm giải pháp chính sách trong thực hiện quy hoạch (Giải pháp về huy động vốn, giải pháp về thể chế, giải pháp về tăng cường sự tham gia của cộng đồng)./. 



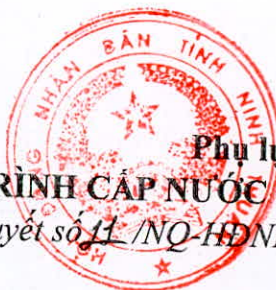


Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020**  
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 08/11/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Giải pháp công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>HUYỆN THUẬN BẮC</b>			<b>14.000</b>
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước thô Kiên Kiên – Lợi Hải		Mở rộng đường ống nước thô	2.000
2	Đầu nối một số tuyến đường ống cấp nước thôn Ba Hồ, Xóm Đền, Cà Rôm, xã Công Hải.	80	Mở rộng mạng lưới đường ống	1.000
3	Tu sửa Hệ thống cấp nước Ma Trai	100	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước	1.000
4	Tu sửa, mở rộng Hệ thống cấp nước Suối Le – Phước Kháng	100	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước	8.500
5	Tu sửa khu xử lý các Hệ thống cấp nước huyện Thuận Bắc		Sơn sửa công, tường rào, nhà trạm bơm, nhà hoá chất, đài nước ...	1.500
<b>II</b>	<b>HUYỆN NINH HẢI</b>			<b>2.800</b>
6	Mở rộng một số tuyến ống HTCN Mỹ Tường		Mạng đường ống nước thô (Tăng giờ bơm)	800
7	Tu sửa Hệ thống cấp nước An Nhơn	Đảm bảo công suất thiết kế	Nâng cấp, tu sửa hồ thu, mạng đường ống	500
8	Tu sửa khu xử lý các Hệ thống cấp nước huyện Ninh Hải		Sơn sửa công, tường rào, nhà trạm bơm, nhà hoá chất, đài nước ...	1.500
<b>III</b>	<b>HUYỆN BẮC ÁI</b>			<b>27.500</b>
9	Đầu tư xây dựng HTCN Phước Bình	700	Xây dựng khu xử lý và mạng đường ống cấp nước.	23.000
10	Mở rộng HTCN Phước Đại	-	Mở rộng mạng đường ống cấp nước (Tăng giờ bơm)	1.000
11	Đầu nối HTCN Ma Lâm Trà Co và mở rộng một số HTCN huyện Bắc Ái	-	Đầu nối, mở rộng mạng đường ống cấp nước.	2.500

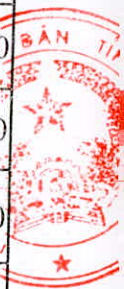
STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Giải pháp công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
12	Tu sửa khu xử lý các Hệ thống cấp nước huyện Bắc Ái		Sơn sửa cổng, tường rào, nhà trạm bơm, nhà hoá chất, đài nước ...	1.000
<b>IV</b>	<b>HUYỆN NINH SƠN</b>			<b>4.500</b>
13	Tu sửa đường ống cấp nước thô Ma Nới	570	Xây dựng mạng đường ống.	1.000
14	Mở rộng một số tuyến ống cấp nước Mỹ Sơn, Hoà Sơn	569	Mở rộng mạng đường ống, tăng giờ bơm.	2.300
15	Tu sửa khu xử lý các Hệ thống cấp nước huyện Ninh Sơn		Sơn sửa cổng, tường rào, nhà trạm bơm, nhà hoá chất, đài nước ...	1.200
<b>V</b>	<b>HUYỆN NINH PHƯỚC</b>			<b>4.700</b>
16	Đầu nối, mở rộng một số tuyến ống cấp nước xã Phước Hậu, Phước Thuận	-	Mở rộng mạng đường ống.	1.000
17	Mở rộng một số tuyến ống cấp nước xã Phước Sơn	-	Mở rộng mạng đường ống.	500
18	Đầu nối, mở rộng hệ thống cấp nước Hậu Sanh - Hữu Đức	-	Đầu nối, mở rộng mạng đường ống.	1.000
19	Mở rộng một số tuyến ống cấp nước xã Phước An - Láng Đại Hàn	-	Đầu nối, mở rộng mạng đường ống.	500
20	Tu sửa khu xử lý các Hệ thống cấp nước huyện Ninh Phước		Sơn sửa cổng, tường rào, nhà trạm bơm, nhà hoá chất, đài nước ...	1.700
<b>VI</b>	<b>HUYỆN THUẬN NAM</b>			<b>1.500</b>
21	Tu sửa khu xử lý, mở rộng một số tuyến ống cấp nước Nhị Hà, Phước Hà	-	Tu sửa KXL, mở rộng mạng đường ống	1.500
<b>VII</b>	<b>HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẠO NGUỒN</b>			<b>40.000</b>
22	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Bắc	16378	Xây dựng khu trạm bơm tăng áp tại An Hoà - Thành Sơn, bổ sung đường ống cấp nước cho trạm bơm cấp 1 Ba Tháp.	40.000
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII)</b>				<b>95.000</b>



Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030**  
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/11/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Giải pháp công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>HUYỆN THUẬN BẮC</b>			<b>55.000</b>
1	Tu sửa, mở rộng hệ thống cấp nước Ba Tháp	1.100	Mở rộng khu xử lý (KXL) và đường ống	10.000
2	Tu sửa Hệ thống cấp nước Công Hải, xã Công Hải	600	Mở rộng KXL và đường ống	7.000
3	Mở rộng đường ống cấp nước thôn Xóm Bằng xã Bắc Phong	200	Mở rộng mạng đường ống	3.000
4	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Mỹ Nhơn – Gò Đền	1.000	Mở rộng KXL và đường ống	10.000
5	Mở rộng Hệ thống cấp nước Lợi Hải	1.500	Mở rộng KX và đường ống	10.000
6	Mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Kháng	200	Mở rộng KX và đường ống	5.000
7	Hệ thống cấp nước thôn Bình Tiên xã Công Hải	500	Mở rộng đường ống cấp nước	10.000
<b>II</b>	<b>HUYỆN NINH HẢI</b>			<b>125.000</b>
8	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Mỹ Tường	1.800	Nâng cấp, mở rộng KXL và đường ống	15.000
9	Tu sửa, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Nhơn	1.800	Nâng cấp, mở rộng KXL và đường ống	15.000
10	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Cầu Gây – Vĩnh Hy	500	Nâng cấp, mở rộng KXL, và đường ống	5.000



*Handwritten signature*

STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Giải pháp công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
11	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Phương Cựu	2.500	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	15.000
12	Nâng cấp, mở rộng HTCN An Hoà – Thành Sơn	1.100	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	10.000
13	Đầu nối HTCN từ HTTL Tân Mỹ về An Hoà – Thành Sơn	2.500	Xây dựng trạm bơm, hệ thống đường ống	25.000
14	Xây dựng khu trạm bơm tăng áp Phương Cựu cấp nước cho HTCN Mỹ Tường	3.000	Xây dựng trạm bơm, hệ thống đường ống	40.000
<b>III</b>	<b>HUYỆN BẮC ÁI</b>			<b>65.000</b>
15	Đầu nối Hệ thống cấp nước Phước Đại – Phước Thành	-	Đầu nối, mở rộng tuyến đường ống	15.000
16	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Đại, Suối Lạnh	1.000	Mở rộng KXL và mạng đường ống cấp nước	10.000
17	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Trung	500	Mở rộng KXL và mạng đường ống cấp nước	10.000
18	Nâng cấp, mở rộng các HTCN Trà Co, Phước Thành và một số HTCN huyện Bắc Ái	1.100	Mở rộng KXL và mạng đường ống cấp nước	20.000
19	Nâng cấp, mở rộng HTCN Phước Bình	500	Mở rộng KXL và mạng đường ống cấp nước	10.000
<b>IV</b>	<b>HUYỆN NINH SƠN</b>			<b>15.500</b>
20	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Lương Sơn, Ma Nôi, Hoà Sơn	2.500	Mở rộng mạng đường ống cấp nước	8.000
21	Hệ thống cấp nước Tà Nôi	1.000	Mở rộng mạng đường ống cấp nước	3.500
22	Nâng cấp, mở rộng một số HTCN huyện Ninh Sơn	1.100	Mở rộng KXL và mạng đường ống cấp nước	4.000
<b>V</b>	<b>HUYỆN NINH PHƯỚC</b>			<b>42.000</b>
23	Nâng cấp, mở rộng HTCN Hậu Sanh – Núi Tháp.	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	6.000
24	Nâng cấp, mở rộng HTCN xã Phước Sơn	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	6.000
25	Nâng cấp, mở rộng HTCN xã Phước Hậu	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	6.000
26	Nâng cấp, mở rộng HTCN xã Phước An	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	5.000

STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Giải pháp công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
27	Nâng cấp, mở rộng HTCN Liên Sơn – Bảo Vinh	600	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	5.000
28	Nâng cấp, mở rộng HTCN Hoài Trung	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	7.000
29	Nâng cấp, mở rộng HTCN Đá Trắng	700	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	2.000
30	Nâng cấp, mở rộng HTCN Hữu Đức	1.000	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống	5.000
<b>VI</b>	<b>HUYỆN THUẬN NAM</b>			<b>7.000</b>
31	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Phước Hà, Nhị Hà	950	Nâng cấp KXL, mở rộng mạng đường ống cấp nước	7.000
<b>VII</b>	<b>HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẠO NGUỒN</b>			<b>30.000</b>
32	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Nam.	16.622	Xây dựng khu trạm bơm tăng áp tại Hoài Trung – Thái Giao	30.000
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII)</b>				<b>339.500</b>

